|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**Số: /TTr-BKHCN  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2015* |

#### TỜ TRÌNH

**Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung**

**một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ**

Kính gửi: Quốc hội

 Thực hiện Chương trình của Quốc hội nhiệm kỳ số XIII về xây dựng luật, pháp lệnh, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ và xin trình Quốc hội Dự án Luật này như sau:

1. **SỰ CẦN THIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT**

1. Năm 1988, với chính sách mở cửa và định hướng thu hút đầu tư nước ngoài, Hội đồng Nhà nước đã ban hành pháp lệnh chuyển giao công nghệ nước ngoài vào Việt Nam nhằm mục đích thông qua hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài, ngoài việc thu hút vốn đầu tư và tạo thêm nhiều việc làm, Việt Nam có thể du nhập các công nghệ tiên tiến phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong từng giai đoạn, Chính phủ đã ban hành những quy định về hoạt động chuyển giao công nghệ như Nghị định số 49/HĐBT (1991) quy định chi tiết về việc thi hành Pháp lệnh CGCN; Nghị định số 45/1998/NĐ-CP; Nghị định số 11/2005/NĐ-CP quy định chi tiết về CGCN và thay thế Nghị định số 45/1998/NĐ-CP và Nghị định số 16/2000/NĐ-CP ngày 10/5/2000 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động CGCN. Tuy nhiên, với tầm quan trọng của công nghệ và chuyển giao công nghệ trong công cuộc CNH-HĐH đất nước, những quy định này đã được hệ thống lại và nâng lên thành Luật Chuyển giao công nghệ.

 Luật Chuyển giao công nghệ đã được thông qua tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XI ngày 29 tháng 11 năm 2007 và đến ngày 01 tháng 7 năm 2007, Luật Chuyển giao công nghệ đã chính thức có hiệc lực. Đây là văn bản pháp quy có hiệu lực pháp lý cao nhất từ trước đến nay, quy định thống nhất về hoạt động chuyển giao công nghệ trên lãnh thổ Việt Nam, từ Việt Nam ra nước ngoài và từ nước ngoài vào Việt Nam.

Để cụ thể hóa các quy định của Luật Chuyển giao công nghệ, từ năm 2007 đến nay, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì soạn thảo, trình Chính phủ ban hành và ban hành 08 văn bản quy phạm pháp luật nhằm quy định và hướng dẫn hoạt động chuyển giao công nghệ trên phạm vi toàn quốc. Trong quá trình bảy năm thực hiện Luật chuyển giao công nghệ, chúng ta đã thu được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên bên cạnh đó cũng còn những kẽ hở như việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài qua chuyển giao công nghệ. Một số quy định không còn phù hợp với thực tế phát triển kinh tế-xã hội và chưa đạt được mục tiêu đặt ra khi ban hành Luật như thúc đẩy chuyển giao công nghệ giữa khu vực Viện, Trường với doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam. Chính sách phát triển các tổ chức dịch vụ CGCN cũng cần được bổ sung, sửa đổi để bảo đảm thúc đẩy sự phát triển của thị trường công nghệ, đẩy mạnh tiếp thu, ứng dụng, làm chủ công nghệ nhập hiện đại, nhanh chóng nâng cao năng lực đổi mới, sáng tạo công nghệ, thúc đẩy tốc độ và chất lượng tăng trưởng của các doanh nghiệp và cả nền kinh tế.

Nghị quyết số 20/2011/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2011 của Quốc hội đã đưa dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ vào là 1 trong 33 dự án chuẩn bị thuộc chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XIII.

Tại Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ về định hướng nâng cao hiệu quả thu hút, sử dụng và quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài trong thời gian tới đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách liên quan đến đầu tư, trong đó có giao Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chuyển giao công nghệ nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyển giao công nghệ; đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động này.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2006 là cần thiết nhằm thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đổi mới công nghệ, góp phần phát triển thị trường khoa học công nghệ, đồng thời nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với hoạt động chuyển giao công nghệ.

**II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ được xây dựng trên cơ sở quán triệt các quan điểm chỉ đạo sau đây:

1. Tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển và chuyển giao công nghệ, cụ thể như sau:

 a. Ưu tiên phát triển công nghệ cao, đẩy mạnh ứng dụng đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế.

b. Phát triển mạnh thị trường công nghệ; khuyến khích và thúc đẩy hoạt động chuyển giao kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh.

c. Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong hoạt động chuyển giao công nghệ và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tìm kiếm, giải mã công nghệ.

d. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân hoạt động chuyển giao công nghệ phục vụ nhu cầu phát triển nhanh và bền vững kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Phát huy hiệu quả của hoạt động chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, thúc đẩy chuyển giao công nghệ trong nước và chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài.

3. Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động của các tổ chức dịch vụ chuyển giao công nghệ.

4. Đồng bộ chính sách phát triển thị trường công nghệ.

5. Tăng cường hơn nữa vai trò của cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động chuyển giao công nghệ.

6. Bảo đảm tính thống nhất giữa Luật Chuyển giao công nghệ với Luật Khoa học và Công nghệ và các Luật có liên quan.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG**

Năm 2013, sau khi được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ XIII kỳ họp năm 2014, Chính phủ đã giao Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. Bộ Khoa học và Công nghệ đã thành lập Ban soạn thảo do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ làm Trưởng ban và đại diện lãnh đạo các Bộ, cơ quan: Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Ngoại giao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Ban soạn thảo đã tiến hành tổng kết tình hình thực hiện Luật Chuyển giao công nghệ trong giai đoạn 2007-2014, những vướng mắc, bất cập của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2006, đồng thời cũng đã tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia (Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ).

Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đã tổ chức lấy ý kiến của các nhà khoa học, các Bộ, ngành và địa phương để xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chuyển giao công nghệ.

**IV. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ THẢO LUẬT**

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ tập trung vào 10 nội dung liên quan đến 15 trên tổng số 61 Điều của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2006, cụ thể như sau:

1. **Bổ sung 2 Điều mới**, 1 điều quy định cụ thể các luồng chuyển giao công nghệ trong Luật để làm căn cứ quy định chi tiết về nội dung và chính sách quản lý cụ thể đối với từng luồng nhằm nâng cao hiệu quả của chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, thúc đẩy chuyển giao công nghệ trong nước và kiểm soát chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài. 1 điều quy định về hoạt động đánh giá, định giá và giám định công nghệ vì theo Luật Đầu tư 2014, các hoạt động này thuộc loại ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện.

**2. Sửa đổi phương thức quản lý đối với các hợp động chuyển giao công nghệ:**

 *2.1*. *Sửa* k*hoản 1 Điều 25 Luật CGCN 2006*: Chuyển từ hình thức tự nguyện đăng ký sang bắt buộc đăng ký đối với tất cả các hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước và chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài (trừ những hợp đồng CGCN thuộc Danh mục công nghệ chuyển giao có điều kiện).

*2.2. Bổ sung thêm khoản 4 Điều 25*:

Đề nghị các bên tham gia hợp đồng chuyển giao công nghệ, hàng năm phải thực hiện chế độ báo cáo về tình hình thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

*2.3.* *Sửa đổi Điều 10* quy định về công nghệ hạn chế chuyển giao thành công nghệ chuyển giao có điều kiện và quy định lại thẩm quyền ban hành 3 Danh mục là Thủ tướng Chính phủ (*khoản 5 Điều 51*).

**3**. **Về đối tượng chuyển giao công nghệ** (*Điều 7*)

Bổ sung thêm đối tượng công nghệ chuyển giao (khoản 1 Điều 7) như sau: “các hình thức dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ nhằm tạo ra sản phẩm hoặc dịch vụ với chất lượng xác định” cho phù hợp với thực tế và các quy định quốc tế.

**4**. **Về phát triển thị trường công nghệ (***Điều 34*):

Bổ sung cơ chế, chính sách phát triển thị trường công nghệ theo hướng quy định cụ thể đối với hoạt động thúc đẩy nhu cầu công nghệ, phát triển nguồn cung công nghệ và phát triển các tổ chức dịch vụ thúc đẩy CGCN bảo đảm thị trường công nghệ phát triển đồng bộ.

**5. Về Quỹ đổi mới công nghệ Quốc gia** *(Điều 39*):

Bổ sung thêm một số quy định liên quan đến khuyến khích, hỗ trợ việc hình thành cụm sản xuất, kinh doanh, hợp tác nghiên cứu với các tổ chức KHCN trong nước và quốc tế; Xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách mua sắm của Chính phủ hỗ trợ cho sản phẩm mới, dịch vụ mới trên cơ sở các kết quả nghiên cứu; Khuyến khích, hỗ trợ đầu tư ban đầu cho việc hình thành và phát triển các cơ sở hỗ trợ đăng ký sáng chế, khai thác sáng chế, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ của các Viện, Trường.

**6**. **Về chuyển giao kết quả nghiên cứu** và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước và phân chia thu nhập từ hoạt động chuyển giao công nghệ tạo ra bằng ngân sách nhà nước (*Điều 40 và Điều 42*)

Sửa đổi quy định về chuyển giao kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước, phân chia thu nhập từ hoạt động chuyển giao công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước để thống nhất với Luật Khoa học và Công nghệ.

**7. Về góp vốn bằng công nghệ và** (*Điều 43*)

Bổ sung thêm quy định về việc định giá công nghệ đối với giá trị công nghệ góp vốn vào các dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước.

**8. Về chính sách thuế để thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ** (*Điều 44)*

Sửa đổi khoản 1 Điều 44 quy định về miễn thuế thu nhập đối với tổ chức, cá nhân góp vốn bằng Bằng sáng chế, công nghệ theo hướng chặt lại, chỉ miễn thuế đối với góp vốn bằng công nghệ, Bằng sáng chế có giá trị từ 1 tỷ đồng trở xuống.

**9. Về trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước** (*Điều 51 và Điều 52*)

Sửa đổi bổ sung một số quy định về trách nhiệm của Chính phủ và của Bộ Khoa học và Công nghệ về phân công, phân cấp thực hiện chức năng quản lý và thẩm quyền ban hành Danh mục công nghệ.

**10. Về các vấn đề khác:**

*10.1. Bổ sung, sửa đổi một số thuật ngữ* (*Điều 3*)

Bổ sung thêm một số thuật ngữ như: Giải mã công nghệ, hoạt động đổi mới công nghệ và tổ chức hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ.

*10.2. Về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng chuyển giao công nghệ* (*Điều 19)*

 Do có sự thay đổi phương thức quản lý nên quy định về hiệu lực của hợp đồng CGCN cũng cần phải thay đổi cho phù hợp.

Trên đây là những nội dung chủ yếu của dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. Kính trình Quốc hội xem xét, quyết định.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:- Như trên;- Thủ tướng CP, các Phó TTgCP (để b/c);- Ủy ban KHCN&MT của Quốc hội (để thẩm tra); - Văn phòng Quốc hội; - Bộ KH&CN ;- VPCP: PCN Kiều Đình Thụ, Vụ PL; - Lưu: VT, PL  | **TM. CHÍNH PHỦ****TUQ. THỦ TƯỚNG****BỘ TRƯỞNG** **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ****Nguyễn Quân** |